

Số: 43 /2024/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 18 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hải Dương ban hành kèm theo các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hải Dương ban hành kèm theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hải Dương ban hành kèm theo các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể như phụ lục đính kèm.

Các nội dung khác giữ nguyên như Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2024 “Sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hải Dương ban hành kèm theo các quyết định của UBND tỉnh”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy

ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (đề b/c);
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT HĐND, UBND tỉnh;
- Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Lãnh đạo VP HĐND, UBND tỉnh;
- Trưởng, Phó phòng Chuyên viên liên quan;
- Trung tâm CNTT - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTT, Thư.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Quân

PHỤ LỤC

Nội dung sửa đổi Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hải Dương đã được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 43/2024/QĐ-UBND ngày 18/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

1. Bãi bỏ, sửa đổi một số nội dung của “Phụ lục nội dung sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hải Dương ban hành kèm theo các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương” ban hành kèm theo Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

a) Bãi bỏ quy định tại điểm h và điểm i Khoản 1.

b) Sửa đổi điểm d khoản 1 như sau:

Từ: “đ) Sửa đổi điểm b, khoản 3 thành:

“- Vị trí đất:

+ Vị trí 1: Đất có vị trí tiếp giáp mép hiện trạng các đường, phố (mặt tiền);

+ Vị trí 2: Đất có vị trí tiếp giáp mép hiện trạng các ngõ của đường, phố có mặt cắt ngõ $B_n \geq 3m$ và có chiều sâu ngõ tính từ chỉ giới xây dựng sát mép vỉa hè đường chính đến đầu thửa đất $< 200m$;

+ Vị trí 3: Đất có vị trí còn lại có điều kiện về sản xuất, kinh doanh, sinh hoạt kém thuận lợi hơn vị trí 2.

- Các mặt cắt ngõ trong quy định trên được tính theo mặt cắt nhỏ nhất của các vị trí từ đầu ngõ đến đầu thửa đất.

- Đối với thửa đất tiếp giáp với nhiều đường, phố thì mỗi vị trí tính giá đất áp dụng theo đường, phố có mức giá cao hơn; đối với thửa đất có vị trí tiếp giáp mép hiện trạng các ngõ lồi thông với nhiều đường, phố có giá đất khác nhau thì áp dụng theo giá đất của đường, phố gần nhất, nếu thửa đất có khoảng cách đến các đường, phố bằng nhau thì áp dụng theo đường, phố có mức giá cao hơn;

Bỏ: Vị trí 4”.

Thành:

“đ) Sửa đổi điểm b, khoản 3 thành:

- Vị trí đất:

+ Vị trí 1: Đất có vị trí tiếp giáp mép hiện trạng các đường, phố (mặt tiền);

+ Vị trí 2: Đất có vị trí tiếp giáp mép hiện trạng các ngõ của đường, phố có mặt cắt ngõ $B_n \geq 3m$ và có chiều sâu ngõ tính từ chỉ giới xây dựng sát mép vỉa hè đường chính đến đầu thửa đất $< 200m$;

+ Vị trí 3: Đất có vị trí còn lại có điều kiện về sản xuất, kinh doanh, sinh hoạt kém thuận lợi hơn vị trí 2.

- Các mặt cắt ngõ trong quy định trên được tính theo mặt cắt nhỏ nhất của các vị trí từ đầu ngõ đến đầu thừa đất.

- Đối với thừa đất tiếp giáp với nhiều đường, phố thì mỗi vị trí tính giá đất áp dụng theo đường, phố có mức giá cao hơn; đối với thừa đất có vị trí tiếp giáp mép hiện trạng các ngõ lối thông với nhiều đường, phố có giá đất khác nhau thì áp dụng theo giá đất của đường, phố gần nhất, nếu thừa đất có khoảng cách đến các đường, phố bằng nhau thì áp dụng theo đường, phố có mức giá cao hơn;

- Thừa đất có chiều sâu lớn (tính từ mép chỉ giới đất sử dụng hợp pháp) có vị trí tiếp giáp mép hiện trạng đường, ngõ do một tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng thì tùy chiều sâu của từng thừa đất có thể phân thành các vị trí làm căn cứ xác định giá đất cho phù hợp, theo nguyên tắc: Chiều sâu của thừa đất cứ 20 mét được xác định là một vị trí để xác định giá đất và diện tích đất có chiều sâu 20 mét tiếp theo được xác định là vị trí liền kề tiếp với vị trí phía ngoài;

- Bỏ: Vị trí 4”.

c) Sửa đổi điểm a khoản 3 Phụ lục kèm theo Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 12/8/2024 của UBND:

- Phường Ái Quốc: Sửa đổi “Phố Đồng Xá” thành “Phố Văn Xá”.

2. Sửa đổi Phụ lục 01- Bảng giá đất tại đô thị ban hành kèm theo Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

a) Sửa đổi một số vị trí đất và giá đất của một số tuyến đường, phố thuộc địa bàn Thành phố Hải Dương:

- Phường Ái Quốc:

+ Sửa đổi giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản vị trí 3 của 06 tuyến đường phố: “Đường Trục khu Vũ Xá, Đồng Pháp, Ninh Quan, Tiến Đạt”; “Đường Trục khu Tiền Hải, Văn Xá. Ngọc Tri”; “Phố Lê Sĩ Dũng”; “Phố Nguyễn Thông”; “Phố Ngọc Tri”; “Đường còn lại thuộc phường Ái Quốc”.

- Phường Bình Hàn:

+ Sửa đổi giá đất ở một số vị trí của 05 tuyến đường, phố: “An Ninh (đoạn từ cổng ba cửa đến Ga)”; “Quang Trung - Đoạn từ đường sắt đến đường An Định”; “Quyết Thắng”; “Tăng Bạt Hổ”; “Hoàng Ngân (đoạn từ đường Thanh Niên đến ngã tư Bến Hàn)”.

+ Sửa đổi giá đất ở, đất thương mại dịch vụ, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đối với “Đường trong KĐT Tuệ Tĩnh có mặt cắt đường $B_n = 13,5m$ ”.

- Phường Cẩm Thượng:

+ Sửa đổi giá đất ở của 03 tuyến đường, phố: “Điện Biên Phủ (đoạn từ đường sắt đến đường An Định)”; “An Định - Đoạn từ ngã tư Bến Hàn đến

đường Ngô Quyền và đoạn từ cầu vượt Phú Lương đến đường Thanh Niên”;
 “Hoàng Ngân - Đoạn từ Thanh Niên đến đường Ngô Quyền”.

+ Sửa đổi giá đất ở, đất thương mại dịch vụ, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đối với: “Đường trong KĐT Tuệ Tĩnh có mặt cắt đường $B_n = 13,5m$ ”.

- Phường Hải Tân:

+ Sửa đổi giá đất ở của 03 tuyến đường, phố: “Đình Tiên Hoàng”; “An Dương Vương”; “Trần Nhật Duật”.

- Phường Lê Thanh Nghị:

+ Sửa đổi giá đất ở của 02 tuyến đường, phố: “Lạc Long Quân”; “Bình Lộc (đoạn từ đường Lê Thanh Nghị đến đường Ngô Quyền)”.

- Phường Ngọc Châu:

+ Sửa đổi giá đất thương mại dịch vụ và giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đối với: “Đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Thanh Niên đến Nguyễn Hữu Cầu)”.

+ Sửa đổi giá đất ở của 06 tuyến đường, phố: “Nguyễn Hữu Cầu - Đoạn từ hết chợ Phú Lương đến Tam Giang”; “Hồ Xuân Hương”; “Lê Viết Hưng”; “Lê Viết Quang”; “Ngọc Tuyền”; “Ngọc Uyên”.

+ Sửa đổi giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đối với tuyến phố “Tây Hào”.

- Phường Nguyễn Trãi:

+ Sửa đổi giá đất ở của 04 tuyến đường, phố: “Đại lộ Hồ Chí Minh”; “Nguyễn Thượng Mão”; “Hào Thành (đoạn từ công Tuệ Tĩnh sang Phạm Ngũ Lão)”; “Đường ven kè Hào Thành (từ Tuệ Tĩnh đến Chi Lăng)”.

+ Sửa đổi giá đất thương mại dịch vụ đối với tuyến “Đường trong bến xe khách (đoạn từ đường Hồng Quang sang đường Chi Lăng)”.

- Phường Nhị Châu:

+ Sửa đổi giá đất thương mại dịch vụ và giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đối với: “Đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Thanh Niên đến Nguyễn Hữu Cầu)”.

+ Sửa đổi giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đối với 04 tuyến đường, phố: “Khu nhà ở phường Nhị Châu - Đường có mặt cắt $B_n < 16,5m$ ”; “Trương Hán Siêu - Đoạn từ đường sắt đến đường An Định”; “Dương Đình Nghệ”; “Vũ Duy Hàn”.

+ Sửa đổi giá đất ở đối với phố “Đoàn Kết”.

- Phường Phạm Ngũ Lão:

+ Sửa đổi giá đất ở đối với 03 tuyến đường, phố: “Đường Tuệ Tĩnh kéo dài (đoạn từ Điện Biên Phủ đến đường Ngô Quyền)”; “Nguyễn Lương Bằng - Đoạn từ ngã tư Ngô Quyền đến đường Vũ Hựu”; “Lê Hồng Phong”.

- Phường Quang Trung:

+ Sửa đổi giá đất ở đối với 03 tuyến đường, phố: “Lê Lợi”; “Tô Hiệu”; “Hồng Quang (đoạn từ Quảng trường Độc Lập đến Ga)”.

+ Sửa đổi giá đất ở, đất thương mại dịch vụ, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đối với: “Đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Thanh Niên đến Nguyễn Hữu Cầu)”; “Hữu Nghị”; “Đường xóm Hàn Giang (Khu 6)”; “Đường xóm Hàn Giang (Khu 5)”.

+ Sửa đổi giá đất thương mại dịch vụ đối với: “Vương Văn”.

- Phường Tân Bình:

+ Sửa đổi giá đất ở đối với: “Nguyễn Văn Linh - Đoạn từ Lê Thanh Nghị đến đường Ngô Quyền”.

+ Sửa đổi giá đất thương mại dịch vụ đối với 02 tuyến đường, phố: “Trường Chinh - Đoạn từ đường Lê Thanh Nghị đến đường Ngô Quyền”; “Nhữ Đình Hiền”.

+ Sửa đổi giá đất ở, đất thương mại dịch vụ, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đối với: “Đức Minh (đoạn từ Nguyễn Lương Bằng đến đường Nguyễn Văn Linh)”.

+ Sửa đổi tên vị trí: “Đặng Thái Mai” thành “Đặng Thai Mai”.

- Phường Tân Hưng:

+ Sửa đổi giá đất ở đối với 06 tuyến đường, phố: “Lê Hiến Tông (đoạn từ phố Lý Nhân Tông đến phố Lê Văn Thịnh)”; “Nguyễn Mậu Tài”; “Nguyễn Bính”; “Vương Bạt Tụy (đoạn từ Phố Nguyễn Mậu Tài đến phố Vương Hữu Lễ)”; “Vương Tảo (đoạn từ Phố Nguyễn Mậu Tài đến phố Vương Hữu Lễ)”; “Vương Bảo”.

- Phường Thạch Khê:

+ Sửa đổi giá đất ở đối với 03 tuyến đường, phố: “Đường có mặt cắt đường $\geq 21m$ ” và “Đường có mặt cắt đường $< 15,5m$ ” trong Khu dân cư, đô thị Tân Phú Hưng; “Trần Duệ Tông”.

+ Sửa đổi giá đất thương mại dịch vụ đối với 04 tuyến đường, phố: “Huyền Quang”; “Vương Phúc Chính”; “Đường có mặt cắt đường $\geq 21m$ ” và “Đường có mặt cắt đường $15,5m \leq B_n < 21m$ ” trong Khu dân cư, đô thị Tân Phú Hưng.

- Phường Thanh Bình:

+ Sửa đổi giá đất ở đối với 02 tuyến đường, phố: “Nguyễn Thị Duệ - Đoạn từ Nhà máy Gạch đến đường sắt”; “Hoàng Quốc Việt”.

+ Sửa đổi giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đối với tuyến phố: “Khu dân cư Thanh Bình - Đường có mặt cắt $B_n \geq 24m$ ”.

+ Sửa đổi giá đất ở, đất thương mại dịch vụ, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đối với: “Thuần Mỹ”; “Đường nối từ đường Ngô Quyền đến đường Đức Minh (đường Đỗ Ngọc Du kéo dài đến đường Huỳnh Thúc Kháng)”.

- Phường Trần Hưng Đạo:

+ Sửa đổi giá đất ở đối với 03 tuyến đường, phố: “Trần Hưng Đạo - Đoạn từ đường Thanh Niên đến Nguyễn Hữu Cầu”; “Thanh Niên (đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường sắt)”; “Nguyễn Biểu”.

- Phường Trần Phú:

+ Sửa đổi giá đất ở đối với 05 tuyến đường, phố: “Trương Mỹ (đoạn từ Mạc Thị Bưởi đến công hồ Bình Minh)”; “Tôn Đức Thắng”; “Nguyễn Thị Định”; “Đoạn từ đường Thanh Niên đến đường Nguyễn Thị Định” và “Đoạn từ Nguyễn Thị Định đến Bùi Thị Xuân” của đường Lương Thế Vinh; “Bùi Thị Xuân (đoạn từ cầu Hải Tân đến Chương Dương)”.

- Phường Tứ Minh:

+ Sửa đổi giá đất ở, đất thương mại dịch vụ, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đối với: “Vĩnh Dụ (KDC Đại An 1)”; “Khu đô thị phía Tây: “Đường có mặt cắt đường $B_n \geq 23,5m$ ” và “Đường có mặt cắt đường $13,5m < B_n < 23,5m$ ”; “Đường trong khu dân cư mới (khu Ford) có mặt cắt đường $B_n = 13,5m$ ”; “Phạm Văn Đồng (đoạn từ giáp Nhà văn hóa khu 2 phường Thanh Bình đến Đại lộ Võ Nguyên Giáp)”.

- Phường Việt Hòa:

+ Sửa đổi tên đường: “Ngọc Hàm” thành “Nguyễn Ngọc Hàm”.

+ Sửa đổi giá đất ở, đất thương mại dịch vụ, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đối với: “Đường Nguyễn Lương Bằng (đoạn từ Công ty cổ phần xây dựng số 18 đến đường An Định)”; “Đường nối từ đường Nguyễn Lương Bằng sang đường Nguyễn Thị Duệ (đường Vũ Hựu kéo dài)”.

- Xã Liên Hồng:

+ Chuyển các tuyến phố: “Phố Tân Thượng (điểm đầu: Vòng xuyên Tân Thượng; điểm cuối: Vòng xuyên xã Thống Nhất, huyện Gia Lộc)”, “Phố Tam Thanh (điểm đầu: Ngã tư thôn Thanh Xá; điểm cuối: Ngã ba Tân Thượng)”, “Phố Âu Cơ (điểm đầu: Đại lộ Võ Nguyên Giáp; điểm cuối: Ngã tư thôn Đồng Lại)” từ Phụ lục 01 sang Phụ lục 02.

b) Sửa đổi một số vị trí đất và giá đất của một số tuyến đường, phố thuộc địa bàn Thành phố Chí Linh:

- Phường Sao Đỏ:

+ Sửa đổi giá đất thương mại dịch vụ đối với các tuyến đường, phố: “Các thửa đất tiếp giáp đường có mặt cắt $B_n \geq 20,5m$ ” thuộc “Phố Bà Triệu (Đường trong dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật KDC phường Sao Đỏ (Khu Vincom)”; “Đoạn từ ngã 4 Sao Đỏ đến đường An Ninh” và “Đoạn từ đường An Ninh đến đường Đoàn Kết” thuộc “Đường Nguyễn Thái Học”; “Đường Nguyễn Trãi”; “Phố Thanh Niên - Đoạn từ QL37 lối rẽ công chợ số 1 đến giáp KDC Việt Tiên Sơn)”; “Quốc lộ 37 (đoạn từ đường Quốc lộ 18 đến cầu chui đường sắt)”; “Phố Bạch Đằng”.

- Phường Thái Học:

- + Sửa đổi giá đất thương mại dịch vụ đối với: “Khu tái định cư Đồng Đỗ”.
- + Sửa đổi giá đất thương mại dịch vụ và giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đối với: “Đường Nguyễn Thái Học-Đoạn thuộc khu dân cư Mít Sắt”; “Khu dân cư Lạc Sơn”.
- Phường Hoàng Tân:
 - + Sửa đổi giá đất thương mại dịch vụ và giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đối với: “Điểm dân cư Áp phích”.
- Phường Văn Đức:
 - + Sửa đổi tên 05 tuyến đường:
 - “Điểm dân cư số 1 Vĩnh Đại đoạn từ ngã tư Đầu Voi Vĩnh Đại 1 (mặt cắt đường $B_n = 7,5m$)” thành “Điểm dân cư số 1 Vĩnh Đại đoạn từ ngã tư Đầu Voi Vĩnh Đại 1”;
 - “Khu dân cư mới Vĩnh Đại đoạn từ ngã tư Đầu Voi Vĩnh Đại 1 đến trường Mầm non Vĩnh Đại và từ ngã tư đầu voi xuống đến Cổng cừ Vĩnh Đại (mặt cắt đường $B_n = 7,5 m$)” thành “Khu dân cư mới Vĩnh Đại đoạn từ ngã tư Đầu Voi Vĩnh Đại 1 đến trường Mầm non Vĩnh Đại và từ ngã tư đầu voi xuống đến Cổng cừ Vĩnh Đại”;
 - “Khu dân cư mới Vĩnh Đại (mặt cắt đường $B_n = 7,5m$; $B_n = 5,5m$)” thành “Khu dân cư mới Vĩnh Đại”;
 - “Khu dân cư mới Con Nhạn 1 (mặt cắt đường $B_n = 5,0m$)” thành “Khu dân cư mới Con Nhạn 1”;
 - “Khu dân cư mới Con Nhạn 2 (mặt cắt đường $B_n = 5,0m$)” thành “Khu dân cư mới Con Nhạn 2”;
 - + Sửa đổi giá đất thương mại dịch vụ đối với 02 tuyến đường: “Các đường thuộc khu dân cư Kênh Mai 2”; “Các đường thuộc khu dân cư Kênh Mai 1”.
- Phường Phả Lại:
 - + Sửa đổi giá đất thương mại dịch vụ và giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đối với: “Khu đấu giá Ao Lầy”.
 - + Sửa đổi giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đối với: “Đường Thanh Bình (đoạn từ đường Thành Pháo đến hết KDC số 13 Cao Đường)”;
 - “Khu đấu giá Cao Đường”.
 - + Sửa đổi giá đất thương mại dịch vụ đối với: “Các đường còn lại thuộc phường”.
- Phường Đồng Lạc:
 - + Sửa đổi giá đất thương mại dịch vụ đối với: “Các đường còn lại thuộc phường”.
- Phường An Lạc:
 - + Sửa đổi giá đất thương mại dịch vụ đối với: “Các đường còn lại thuộc phường”.
- Phường Văn An:
 - + Sửa đổi giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đối với: “Đường Lê Thánh Tông (QL 18 đoạn thuộc Khu dân cư Trại Sen)”.

- Phường Cộng Hòa:

+ Sửa đổi giá đất thương mại dịch vụ và giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đối với: “Khu dân cư thương mại và chợ Cộng Hòa”.

- Phường Tân Dân:

+ Sửa đổi giá đất thương mại dịch vụ đối với: “Các đường còn lại trong KDC Mạc Động”; “Các đường còn lại trong KDC Vọng Cầu”.

- Phường Chí Minh:

+ Sửa đổi giá đất thương mại dịch vụ và giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đối với: “KDC Hồ Mật Sơn (Constrexim) - Các lô giáp đường còn lại”.

- Phường Cổ Thành:

+ Sửa đổi giá đất thương mại dịch vụ và giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đối với: “Đường trong khu dân cư Nam Đông - Nam Đoài”; “Đường trong khu dân cư mới Nam Đông”.

+ Sửa đổi giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đối với: “Các đường thuộc khu dân cư Nam Đoài”; “Các đường thuộc khu dân cư Nam Đông”; “Các đường thuộc khu dân cư Thông Lộ”; “Các đường thuộc khu dân cư Cổ Châu”; “Các đường thuộc khu dân cư Hòa Bình”; “Các đường thuộc khu dân cư Ninh Giàng”; “Các đường thuộc khu dân cư Đồng Tâm”; “Các đường thuộc khu dân cư Tu Ninh”; “Các đường thuộc khu dân cư Thành Lập”; “Các đường thuộc khu dân cư An Ninh”; “Các đường thuộc khu dân cư Lý Dương”; “Các đường thuộc khu dân cư Phao Tân”; “Các đường còn lại thuộc khu dân cư Cổ Châu (khu dân cư cải cách cũ)”.

- Phường Bến Tắm:

+ Sửa đổi giá đất thương mại dịch vụ và giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đối với: “Khu dân cư mới Trung tâm”; “Khu dân cư mới khu 3”;

+ Sửa đổi giá đất thương mại dịch vụ đối với: “Các đường còn lại trong phạm vi phường”.

c) Sửa đổi một số vị trí đất và giá đất của một số tuyến đường, phố thuộc địa bàn Thị xã Kinh Môn:

- Phường An Lưu:

+ Sửa đổi tên 06 tuyến đường, phố:

“Phố Thái Bình (đường ngang từ phố Quang Trung đến phố Nguyễn Trãi)” thành “Phố Thái Bình (đường ngang từ phố Quang Trung đến phố Nguyễn Trãi)”;

Nguyễn Đại Năng: “Đoạn từ ngã 4 trụ sở UBND phường đến hết khu dân cư phía Nam giáp khu Lưu Hạ” thành “Đoạn từ ngã 4 trụ sở UBND phường đến hết khu dân cư phía Nam”;

“Đường Quang Trung, phố Nguyễn Trãi” thành “Phố Quang Trung, phố Nguyễn Trãi”;

“Phố Bạch Đằng” thành “Phố Bạch Đằng”;

“Phố Giáp Sơn (Đoạn từ phố Quang Trung đến hết trường Tiểu học TT Kinh Môn)” thành “Phố Giáp Sơn (Đoạn từ phố Quang Trung đến hết trường Tiểu học phường An Lưu)”.

“Các đường trong khu dân cư phường mặt cắt > 5m” thành “Các đường trong khu dân cư phường mặt cắt \geq 5m”.

- Phường Minh Tân:

+ Sửa đổi tên đối với 02 tuyến đường, phố:

“Nguyễn Văn Cừ” thành “Đường Nguyễn Văn Cừ”;

“Phố núi Đá vôi” thành “Phố núi Đá Đồi”.

+ Sửa đổi giá đất ở đối với 02 tuyến đường, phố: “Phố Truyền Thông”; “Phố Núi Đá Đồi - Đoạn giáp đường Hoàng Thạch đến hết phố Hào Thung”.

+ Sửa đổi giá đất thương mại dịch vụ và giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đối với 23 tuyến đường phố từ số thứ tự 19 đến số thứ tự 41.

- Phường An Phụ:

+ Sửa đổi tên “Đoạn từ TL 389B đến Đình Huề Trì” thành “Đoạn từ TL 389B đến hết Đình Huề Trì” thuộc Phố Huề Trì.

+ Sửa đổi giá đất thương mại dịch vụ và giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đối với 02 tuyến phố: “Phố Cô Tân”; “Phố Phương Luật”.

- Phường An Sinh:

+ Sửa đổi tên đoạn thuộc Phố Kim Xuyên:

“Đoạn nối từ Tỉnh lộ 389 đến ngã tư đường đi phường Phạm Thái” thành “Đoạn nối từ Tỉnh lộ 389 đến ngã ba chợ An Sinh”;

“Đoạn từ cầu cụ Tảng đến bến xe An Sinh” thành “Đoạn từ cầu cụ Tảng đến bãi xe số 1”.

- Phường Duy Tân:

+ Sửa đổi giá đất thương mại dịch vụ và giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đối với 03 tuyến đường, phố: “Đường Hoàng Quốc Việt”; “Phố Thánh Quang”; “Phố Thung Xanh”.

- Phường Hiệp An:

+ Sửa đổi giá đất thương mại dịch vụ và giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đối với: “Đường Trần Liễu”; “Các thửa đất tiếp giáp với đường Nguyễn Đại Năng”.

+ Sửa đổi giá đất ở, giá đất thương mại dịch vụ và giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đối với: “Phố Hoàng

Ngân (Đường khu dân cư mới Phường Hiệp An (Sau chợ Kinh Môn) mặt cắt đường $\geq 13,5$ m”.

+ Sửa đổi giá đất ở đối với: “Phố Tây Sơn”.

- Phường Hiệp Sơn:

+ Sửa đổi tên “Trần Hưng Đạo” thành “Đường Trần Hưng Đạo”.

+ Bỏ giá đất đối với: “Khu dân cư An Cường”.

+ Sửa đổi giá đất thương mại dịch vụ và giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đối với “Phố Vườn Cắm”.

- Phường Phạm Thái:

+ Sửa đổi tên: “Đường từ nhà ông Mai đến ông Kha” thành “Phố Giếng Chùa”; “Đường từ nhà ông Hà đến ông Dạn” thành “Phố Cầu Đình”.

+ Sửa đổi giá đất thương mại dịch vụ và giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đối với “Phố Bờ Hồ”; “Phố Nam An”; “Phố Chu Văn An”.

- Phường Thái Thịnh:

+ Sửa đổi tên “Phố Đồng Hòa” thành “Phố Đông Hòa”.

+ Sửa đổi giá đất ở “Phố Đông Hòa - Đoạn từ nhà ông Cao đến ngã tư chợ Thống Nhất”.

+ Sửa đổi giá đất thương mại dịch vụ và giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đối với “Phố Đông Hòa - Đoạn còn lại”.

- Phường Thất Hùng:

+ Sửa đổi tên: “Trần Hưng Đạo” thành “Đường Trần Hưng Đạo”.

- Phường Long Xuyên:

+ Sửa đổi giá đất thương mại dịch vụ và giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đối với: “Phố Long Tiến”; “Đoạn từ sân vận động đến giáp đất ông Vượng”.

d) Sửa đổi giá đất của một số tuyến đường, phố thuộc địa bàn huyện Kim Thành:

Sửa đổi giá đất ở vị trí 3 và giá đất thương mại dịch vụ vị trí 1, 2 đối với toàn bộ 17 tuyến đường, phố của thị trấn Phú Thái thuộc mục 5 Phụ lục 01.

đ) Sửa đổi một số vị trí đất và giá đất của một số tuyến đường, phố thuộc địa bàn huyện Cẩm Giàng:

- Thị trấn Lai Cách:

+ Sửa đổi giá đất thương mại dịch vụ đối với tuyến “Đường 194B - Đoạn từ Quốc lộ 5 đến giáp khu dân cư mới thôn Tiền và thôn Trụ”.

+ Sửa đổi giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đối với: “Đường trong dự án Khu cơ quan và dân cư phía Đông Cầu vượt, thị trấn Lai Cách - Các thửa đất thuộc Lô LK8, LK9, LK10, LK11”.

+ Sửa đổi giá đất ở, giá đất thương mại dịch vụ, giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đối với: “Các đường còn lại khác”.

- Thị trấn Cẩm Giang:

+ Sửa đổi giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đối với: “Đường Chiến Thắng (trước đây) (Đoạn tiếp giáp đường Vinh Quang bắt đầu từ thửa đất số 20, tờ bản đồ số 4 đến hết khu nghĩa trang Đồng Đại)”; “Các đường, phố còn lại trong phạm vi thị trấn”.

e) Sửa đổi một số vị trí đất và giá đất tại Phụ lục 01 kèm theo Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 12/8/2024, như Phụ lục 1 kèm Quyết định này.

3. Sửa đổi Phụ lục 02- Bảng giá đất tại nông thôn ban hành kèm theo Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 12/8/2024 của UBND tỉnh như sau:

a) Sửa đổi một số vị trí đất và giá đất của một số tuyến đường thuộc địa bàn Thành phố Hải Dương:

- Xã An Thượng:

+ Sửa đổi giá đất thương mại dịch vụ; giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đối với: “Đường trục xã An Thượng (đoạn từ đường dẫn cầu Hàn đến cầu Đình Đông)”.

- Xã Gia Xuyên:

+ Sửa đổi giá đất ở vị trí 3 đối với: “Đất ven đường 62m kéo dài (đoạn qua xã Gia Xuyên)”.

b) Sửa đổi một số vị trí đất và giá đất của một số tuyến đường thuộc địa bàn Thị xã Kinh Môn:

- Xã Minh Hòa

+ Sửa đổi giá đất ở đối với “Khu dân cư Cầu Cầu Mo, mặt đường rộng 7,5m”.

- Xã Lê Ninh

+ Sửa đổi tên các đường trong “Khu dân cư Tái định cư Vĩnh Lâm”:

“Mặt cắt đường 10.5m (34 lô)” thành “Mặt đường rộng 10.5m”;

“Mặt cắt đường 7.5m (27 lô)” thành “Mặt đường rộng 7.5m”;

“Mặt cắt đường 5.5m (159 lô)” thành “Mặt đường rộng 5.5m”.

c) Sửa đổi giá đất của một số tuyến đường thuộc địa bàn huyện Kim Thành:

- Sửa đổi giá đất ở nông thôn vị trí 3 của 17 xã trên địa bàn huyện.

- Sửa đổi giá đất ở nông thôn vị trí 4 của 14 xã trên địa bàn huyện.

- Sửa đổi giá đất thương mại dịch vụ; Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản của tuyến đường thuộc xã Kim Xuyên “Đất ven đường TT Y tế đi Quỳnh Khê, xã Kim Xuyên (đoạn thuộc thôn Quỳnh Khê 1)” và tuyến đường thuộc xã Phúc Thành “Đất ven đường trung tâm y tế đi Quỳnh Khê 1, xã Kim Xuyên (đoạn thuộc xã Phúc Thành - điểm đầu tiếp giáp giữa Quốc lộ 17B với đường 20-9 thị trấn Phú Thái kéo dài)”.

d) Sửa đổi một số vị trí đất và giá đất của một số tuyến đường, phố thuộc địa bàn huyện Cẩm Giàng:

- Đối với các tuyến đường tiếp giáp mép hiện trạng đường giao thông chính (quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ):

+ Sửa đổi giá đất ở; giá đất thương mại dịch vụ; giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đối với các tuyến đường.

- Đối với Bảng giá đất ở tại các Khu dân cư, Điểm dân cư:

+ Sửa đổi giá đất ở vị trí 2, 3 đối với “Điểm dân cư mới số 02, số 03 và số 03 mở rộng thôn Quảng Cư, xã Cẩm Đoài - Các thửa đất nằm tiếp giáp với đường trục thôn Quảng Cư”.

+ Sửa đổi tên “Các lô đất thuộc LK02, LK05 và LK06” thuộc Điểm dân cư mới số 01 thôn Phú Xá, xã Tân Trường thành “Các lô đất thuộc LK02, LK03, LK05 và LK06”.

đ) Sửa đổi một số vị trí đất và giá đất của một số tuyến đường thuộc địa bàn huyện Thanh Miện:

- Xã Chi Lăng Bắc:

+ Sửa đổi tên: “Điểm dân cư mới thôn Phương Khê, xã Chi Lăng Bắc - Giáp đường trục xã (hành lang tìm đường xã vào là 18m)” thành “Điểm dân cư mới thôn Phương Khê, xã Chi Lăng Bắc - Giáp đường trục xã”.

e) Sửa đổi một số vị trí đất và giá đất của một số tuyến đường thuộc địa bàn huyện Tứ Kỳ:

Sửa đổi giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản vị trí 3, 4 đối với 03 tuyến đường: “Đất ven Quốc lộ 10 (đoạn thuộc xã Nguyên Giáp)”; “Đất ven đường tỉnh 391”; “Đất ven Quốc lộ 37 (đoạn thuộc các xã Quảng Nghiệp, Đại Hợp, Dân Chủ)”.

g) Sửa đổi một số vị trí đất và giá đất tại Phụ lục 02 kèm theo Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 12/8/2024, như Phụ lục 2 kèm Quyết định này./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH